

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 93/2023/DS-ST

Ngày: 17-8-2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua
bán tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Khoa
- Ông Trần Hữu Chí

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kiến Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 272/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2023/QĐXXST-DS ngày 31/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2023/QĐ-HPT ngày 08/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Quang Thị T, sinh năm 1979. Địa chỉ: 202/3, ấp Đ, xã Q, huyện T.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1979; địa chỉ: 53/6 ấp T, xã M, huyện T, tỉnh B. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Chí L, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974. Địa chỉ: 165/2, ấp X, xã T, huyện T. Ông L, bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Quang Thị T – ông Nguyễn Văn C trình bày:

Cho đến hết ngày 06/5/2020 bà T có bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho ông L, bà L, việc nuôi tôm phục vụ kinh tế gia đình. Hình thức mua bán hai bên thỏa thuận là bà T bán trước sau đó đến vụ tổng kết nợ lại thì ông L, bà L trả nợ. Đến ngày 06/5/2020 tổng kết lại ông L, bà L còn nợ bà T tổng số tiền là 274.868.000 đồng. Từ đó dù bà T có đòi nhiều lần nhưng ông L, bà L không trả. Đến ngày 12/12/2022

ông L, bà L làm Giấy xác nhận công nợ cho bà T, theo đó xác nhận ông bà còn nợ bà T tổng số tiền là 274.868.000 đồng (hai trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng), ông L có ký tên vào mục khách hàng. Sau khi lập Giấy xác nhận công nợ đến nay bà T đã đòi nhiều lần nhưng ông bà dù có khả năng vẫn không có thiện ý trả nợ cho bà T.

Nhận thấy quyền lợi của bà T bị xâm phạm nên bà T làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Chí L và vợ là bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà T số tiền còn nợ là 274.868.000 đồng (hai trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng) đồng thời yêu cầu tính lãi từ khi thụ lý cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Đối với số tiền lãi từ ngày 12/12/2022 đến khi thụ lý vụ án nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Phạm Chí L và Nguyễn Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Phạm Chí L và Nguyễn Thị L vắng mặt không có lý do, không nêu ý kiến phản đối và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Phạm Chí L, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974. Địa chỉ: 165/2, ấp X, xã T, huyện T do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt; Bị đơn Phạm Chí L và bà Nguyễn Thị L đã được toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[4] Về nội dung vụ án: nguyên đơn Quang Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Chí L và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà T số tiền còn nợ là 274.868.000 đồng (hai trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng) đồng thời yêu cầu tính lãi từ khi thụ lý cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Đối với số tiền lãi từ ngày 12/12/2022 đến khi thụ lý vụ án nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy: hợp đồng mua bán tài sản giữa bà Quang Thị T và ông Phạm Chí L, bà Nguyễn Thị L được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm

quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Bị đơn Phạm Chí L, bà Nguyễn Thị L là vợ chồng hợp pháp; đồng thời đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông L, bà L vắng mặt, không nêu ý kiến phản đối và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác. Quá trình thực hiện hợp đồng ông L và bà L đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Mục đích ông L mua thức ăn và thuốc thủy sản của bà T là để nuôi tôm phát triển kinh tế chung của gia đình. Lễ đó việc bà Quang Thị T yêu cầu ông Phạm Chí L và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ gốc 274.868.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu tính lãi suất do chậm thanh toán của nguyên đơn Quang Thị T, xét thấy: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự: *“Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”*. Đồng thời theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự quy định: *“Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này...”*. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà Quang Thị T theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tính từ ngày 12/12/2022 đến ngày xét xử với lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp, cụ thể: 274.868.000 đồng x 08 tháng 05 ngày x 0,83%/tháng= 18.631.469 đồng. Tổng cộng số tiền ông Phạm Chí L và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Quang Thị T là 293.499.469 đồng.

[7] Ông Phạm Chí L và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 5% x 293.499.469 đồng = 14.674.973 đồng.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quang Thị T. Buộc ông Phạm Chí L và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Quang Thị T số tiền 293.499.469 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Chí L và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: $5\% \times 293.499.469 \text{ đồng} = 14.674.973 \text{ đồng}$.

Bà Quang Thị T được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thanh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.213.000 đồng theo biên lai thu số 0006857 ngày 16 tháng 6 năm 2023.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Phú;
- THADS huyện Thanh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tơ